

Bản án số: 212/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/10/2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

2. Ông **PHẠM HÙNG THÁI**

* Thư ký phiên tòa: Bà **PHẠM THỊ KIM LIÊU** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

* Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 485/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị **Lê Thị Yến L**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp M, xã Hậu M, huyện C, tỉnh T.

* **Bị đơn**: Anh **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

(Chị L có mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Yến L trình bày:*

Do quen biết và có tìm hiểu nhau trước chị và anh H tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào ngày 28 tháng 3 năm 2018. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 18 tháng 5 năm 2018. Sau khi cưới chị phát hiện anh H nhiều lần cờ bạc, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng anh H vẫn không thay đổi dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng không thể hòa hợp. Chị và anh H đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Phương T, sinh ngày 17/10/2018. Hiện cháu T do chị nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Do cuộc sống chung không hạnh phúc chị yêu cầu ly hôn với anh H. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

* Bị đơn anh Nguyễn Minh H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Yến L, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị L: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H; yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2018; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có.

- Anh H: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh Nguyễn Minh H đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân gia đình. Và căn cứ quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

- Anh Nguyễn Minh H là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh đã vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị L và anh H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T.

- Chị L xác định do anh H nhiều lần cờ bạc, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng anh H vẫn không thay đổi dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng không thể hòa hợp. Anh chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Anh H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía chị L đưa ra. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh H bỏ mặc không tham gia các phiên họp kiểm tra, tiếp cận giao nộp chứng cứ để cung cấp tài liệu, chứng cứ cho lời trình bày của anh và tham gia hòa giải để thể hiện nguyện vọng của anh là muốn duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị. Do đó Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân của chị L và anh H là không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L xác định giữa chị và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2018, hiện nay do chị L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Phương T chưa đủ 36 tháng tuổi và từ khi chị L và anh H ly thân đến nay do chị L nuôi dưỡng cháu T. Anh H không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do đó để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của cháu T nên cần tiếp tục giao cháu T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Yến L được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2018 cho chị L nuôi dưỡng. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002052, ngày 11/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Xem như chị L đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày

được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

